

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày 19 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Huy Lương

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Phương

bà Trần Thị Sâm

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLPT-DS ngày 31/7/2024 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2024/PT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G (tên gọi khác Nguyễn Kim D), sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc L: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2023. (vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn L1 sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú cuối cùng: xóm G xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã Thông báo

tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 04/2023/TB-TA ngày 21/10/2023) (vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: E H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tô A, ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023) (vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị N1; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

3.5. Ông Nguyễn Thiện H; địa chỉ: xóm G xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1948; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

4.2. Ông Nguyễn Quốc H2 (tức Nguyễn Văn H3), sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

5. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bố, mẹ bà Nguyễn Thị T là cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 có 6 người con đẻ gồm: Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn G và Nguyễn Thị T. Cụ B và cụ T1 không có con nuôi, con riêng. Cụ B đã chết năm 2000, cụ T1 đã chết năm 2001.

Cụ B và cụ T1 có khối tài sản chung tại xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là quyền sử dụng đất thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2b bản đồ địa chính lập năm 1997 có diện tích 1056m² (trong đó 400m² đất ở, 192,0m² đất vườn, 464,0m² đất ao) và một số tài sản trên đất. Quyền sử dụng thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn B.

Tháng 10/2022, gia đình họp bàn để phân chia tài sản của cụ B và cụ T1 thì ông G không nhất trí mà đưa ra 1 bản di chúc được lập năm 2000 của cụ B. Bà T xác định: bản di chúc ngày 01/9/2000 do ông G tự làm, anh chị em trong gia đình không hề biết; di chúc có người làm chứng nhưng là người được hưởng thừa kế; di chúc định đoạt cả phần tài sản của cụ T1 trong khối tài sản chung mà không có sự đồng ý của cụ T1; thời gian theo di chúc ghi thì bà T đang ở nhà chăm cụ

B, cụ B bệnh nặng gần chết không còn minh mẫn; việc xác nhận của UBND xã K sau khi lập di chúc hai ngày mà không có mặt của người đã ký vào bản di chúc nên không có hiệu lực pháp luật. Bà T đề nghị chia di sản của cụ B và cụ T1 theo quy định của pháp luật. Khi cụ B và cụ T1 chết, cụ B và cụ T1 không nợ ai, không có ai nợ các cụ. Việc ma chay cho các cụ, anh em trong gia đình cùng đứng ra lo liệu. Sau khi chết, tài sản của cụ B và cụ T1 được các con nhờ ông Nguyễn Thiện H (cháu ruột của cụ T1) là người trực tiếp trông coi di sản. Ông H trông cây, thu hoạch hoa lợi trên đất. Ông H không có đề nghị trả công sức trông coi, bảo quản di sản. Do đó, bà T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề nghĩa vụ tài sản và quản lý di sản của cụ B và cụ T1.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản, tìm kiếm ông L1 trên phương tiện thông tin đại chúng bà T tự nguyện thanh toán mọi chi phí, bà T không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán lại và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/11/2023 do Tòa án thực hiện, thể hiện đo đạc trên thực địa di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 559, tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã K lập năm 1997, địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 có diện tích là 1.058,9m², so với diện tích được nhà nước cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 là 1056m² tăng 2,9m² diện tích đất ao. Bà T xác định diện tích tăng thêm là do sai số trong quá trình đo đạc, đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế để giải quyết.

Ông L và bà N có yêu cầu nhận ký phần thừa kế bằng tiền và giao phần ký phần hiện vật cho bà T nên bà T đề nghị được nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật của ông L và bà N. Ông L1 đã bỏ đi biệt tích nhiều năm (33 năm) nên bà T xin nhận bằng hiện vật của ông L1. Bà T có trách nhiệm thanh toán giá trị ký phần thừa kế cho ông L, bà N và quản lý giá trị ký phần của ông L1, khi nào ông L1 trở về bà T có trách nhiệm giao lại cho ông L1 bằng giá trị. Bà N1 không nhận ký phần thừa kế nên bà T đề nghị chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 559, tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã K lập năm 1997, địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 và các tài sản trên thửa đất cho bà T và ông G. Trên diện tích đất ký phần của ông G có tài sản gì thì ông G được sử dụng không phải thanh toán chênh lệch giá trị các tài sản trên đất cho bà T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày ý kiến cụ thể như sau:

Ông G xác nhận mối quan hệ huyết thống, thời gian cụ B và cụ T1 chết như bà T trình bày. Ngày 01/9/2000, cụ B có di chúc thừa kế nhà ở và quyền sử dụng đất để lại các tài sản sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 953897, thửa đất số 559, 101, 314, tờ bản đồ 2,1,3 bản đồ số vào sổ Giấy chứng nhận số

189, với diện tích 1549 m² trên đất có 01 nhà xây năm 1987 gồm 5 gian (3 gian mái ngói, 2 gian buồng sang gạch mái bằng), 01 sân phơi, 01 nhà tắm và vườn ao, đất ruộng. Nội dung di chúc thể hiện: cụ **B** tạm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông **G** có trách nhiệm quản lý, giữ gìn. Về phần đất vườn, đất ao có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ **B**. Cụ **B** để lại ngõ cho con gái **Nguyễn Thị N1** chiều rộng 3 mét tính từ mép tường phía Nam nhà đòn xuống phía Nam, chiều dài ngõ 12 mét. Cụ **B** chia phần nhà ở, các công trình phụ cũng như phần đất còn lại sau khi đã cắt làm ngõ thành 5 phần bằng nhau, cụ thể như sau: cụ **B** 1 phần, phần tài sản này sẽ giao cho con trai **Nguyễn Văn G** sau khi cụ chết, ông **G** có trách nhiệm nghĩa vụ thờ cúng; cụ **T1** (vợ cụ **B** 1 phần); con trai **Nguyễn Ngọc L** 1 phần; con trai **Nguyễn Văn G** 1 phần; con trai **Nguyễn Văn L1** 1 phần, phần tài sản này sẽ giao cho ông **G** quản lý và có trách nhiệm bàn giao cho ông **L1**. Riêng phần ruộng lúa của cụ **B** cho con gái **Nguyễn Thị N1**. Những người được chia thừa kế kể cả cụ **T1** vợ cụ **Bằng k** được phép bán nhượng cho người ngoài mà chỉ được nhượng bán lại cho người trong gia đình.

Ngày 16/8/2000 cụ **B** chết. Sau khi cụ **B** chết vài ngày ông **G** đã công khai nội dung di chúc trên cho cụ **T1**, anh trai **Nguyễn Ngọc L**, các con gái của cụ **B** là bà **Nguyễn Thị N1**, **Nguyễn Thị N**, **Nguyễn Thị T** được biết. Không có ai ý kiến gì về di chúc của cụ **B** để lại; riêng anh **Nguyễn Văn L1** không có mặt.

Ngày 10/01/2001, cụ **T1** chết không để lại di chúc. Hiện nay thửa đất trên anh em trong nhà thống nhất giao cho ông **Nguyễn Thiện H** cháu ruột của cụ **T1** quản lý, canh tác hoa màu và có trách nhiệm hương khói cho các cụ. Tháng 11/2022, sau khi xây mộ cho các cụ gia đình có họp và khai nhận di sản theo di chúc của cụ **B** để lại nhưng ông **L**, bà **N** và bà **T** không đồng ý chia theo di chúc nên các bên không thống nhất được với nhau.

Tháng 8/2023, ông **L** và ông **G** có thỏa thuận bằng miệng chia phần của cụ **T1** cho bà **T** và bà **N**. Ông **L** đã thông báo cho bà **T** và bà **N**, 2 bà đã đồng ý. Đến nay bà **T** yêu cầu chia thừa kế ông **G** không nhất trí vì cho rằng toàn bộ đất thừa kế của cụ **B** và cụ **T1** đã được anh em định đoạt.

Ông **G** đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc của cụ **B** để lại là hợp pháp và đề nghị phân chia theo di chúc của cụ **B** để lại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Ngọc L** trình bày ý kiến:*

Về lịch sử gia đình, quan hệ huyết thống, thời gian cụ **B**, cụ **T1** chết như bà **T** trình bày. Cụ **B**, cụ **T1** chết có để lại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 559, tờ bản đồ số 2b lập năm 1997 có diện tích 1056 m² (gồm đất ở 400 m², đất vườn 192 m², đất ao 464 m²) địa chỉ thửa đất tại **xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Đến nay anh em trong gia đình ông **L** đã họp bàn việc phân chia

nhưng có thành viên trong gia đình không thống nhất. Do đó, ông **L** đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Ông **L** nhận ký phần thừa kế được hưởng bằng giá trị, để cho bà **T** nhận hiện vật.

Hiện nay, ông **L** tuổi đã cao và sức khỏe đã yếu đã ủy quyền cho em gái là **Nguyễn Thị T** thay ông **L** thực hiện các thủ tục liên quan đến việc phân chia tài sản tại Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị N** trình bày:*

Về lịch sử gia đình, quan hệ huyết thống, thời gian cụ **B**, cụ **T1** chết như bà **T** trình bày. Cụ **B**, cụ **T1** chết có để lại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 559, tờ bản đồ số 2b lập năm 1997 có diện tích 1056 m² (gồm đất ở 400 m², đất vườn 192 m², đất ao 464 m²) địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đến nay anh em trong gia đình bà **N** đã họp bàn việc phân chia nhưng có thành viên trong gia đình không thống nhất. Do đó, bà **N** đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Bà **N2** nhận ký phần thừa kế được hưởng bằng giá trị, để cho bà **T** nhận hiện vật.

Hiện nay, bà **N2** tuổi đã cao và sức khỏe đã yếu đã ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị T** thay bà **N2** thực hiện các thủ tục liên quan đến việc phân chia tài sản tại Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị N1** trình bày:*

Về lịch sử gia đình, quan hệ huyết thống, thời gian cụ **B**, cụ **T1** chết như bà **T** trình bày. Cụ **B**, cụ **T1** chết có để lại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 559, tờ bản đồ số 2b lập năm 1997 có diện tích 1056 m² (gồm đất ở 400 m², đất vườn 192 m², đất ao 464 m²) địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đến nay anh em trong gia đình bà **N1** đã họp bàn việc phân chia nhưng có thành viên trong gia đình không thống nhất. Do bà **N1** đã được cụ **B** và cụ **T1** cho đất ở và đất ruộng nên bà **N1** đề nghị yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật. Bà **N1** từ chối nhận ký phần thừa kế được hưởng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Thiện H** trình bày:*

Ông **H** là con của chị gái cụ **T1** (vợ cụ **B**). Ông **L** là con cụ **B** có nhờ ông **H** trông coi tài sản của cụ **B** chứ không thuê khoán gì vì nhà ông **H** ở gần đó và còn là anh em với nhau.

Cây xanh, hoa màu hoa màu trên đất cụ **B** là do ông **H** tự ý trồng. Các tài sản trên đất gồm: cột cổng, tường bao và dây lưới thép gai quây trên đất là do ông **H** xây dựng còn chi phí xây dựng do các con của cụ **B** bỏ ra không phải do ông **H** bỏ ra. Ông **H** thụ hưởng hoa lợi do trồng cây được trên đất.

Nay các con của cụ **B** đề nghị phân chia thừa kế đối với mảnh đất đó. Đối với các cây cối, hoa màu mà ông **H** trồng trên đất nếu cây nào chuyển chỗ khác trồng được thì ông **H** tự chuyển, còn những cây nào không chuyển được thì Tòa án chia vào phần của ai thì người đó được quyền sở hữu không phải thanh toán

tiền gì cho ông H. Đối với vật kiến trúc là cột công, tường rào, dây lưới, thép gai chia vào phần của ai thì người đó được sở hữu, không phải thanh toán tiền gì cho ông H. Ông H không yêu cầu thanh toán công sức quản lý tài sản cho ông H suốt thời gian qua.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn H3 trình bày:*

Ông H3 là cháu họ của cụ B. Ông H3 được cán bộ Tòa án cho xem bản di chúc có trong hồ sơ vụ án và khẳng định: bản di chúc này do ai viết thì ông H3 không biết. Ông H3 chỉ nhớ, khi ông H3 đang ở nhà thì ông G có mang đến nhà cho ông H3 đọc và ông H3 có ký nhận. Khi ông H3 ký nhận vào bản di chúc thì trong bản di chúc đã có chữ ký của một số người nhưng ông H3 không nhớ là của những ai. Đối với những người ký tên trong bản di chúc mà Tòa án cho ông H3 xem thì hiện nay ông T2 đã chết, ông T3 Chủ tịch xã lúc đó là người chứng thực bản di chúc cũng đã chết. Người làm chứng chỉ còn ông H3 và ông H1 cùng ở xã K còn sống. Việc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K trong bản di chúc ông H3 không được chứng kiến. Khi ông H3 ký vào bản di chúc đều chưa thấy có chữ ký và con dấu của Ủy ban nhân dân xã. Thời điểm lập bản di chúc cụ B sức khỏe thế nào thì ông H3 không biết, vì lúc đó ông G mang đến nhà ông H3, ông H3 có đọc và ký vào bản di chúc.

** Người làm chứng ông Trần Văn H1 trình bày:*

Ông H1 là cháu rể của cụ T1. Từ trước tới nay ông H1 không được chứng kiến và cũng không ký xác nhận vào bất kỳ bản di chúc nào của cụ B. Tòa án cho ông H1 xem bản di chúc ngày 01/9/2000 thì ông H1 mới biết nội dung của bản di chúc này. Ông H1 khẳng định chữ ký và chữ viết trong bản di chúc không phải là chữ ký và chữ viết của ông H1. Những người có tên trong bản di chúc là bà T4, ông T2 và ông T3 đã chết.

Tại Bản án số: 06/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 theo pháp luật đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 1058,9m² (gồm 400m² đất ở, 192,0m² đất vườn, 466,9m² đất ao) và một số tài sản trên đất, tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2B bản đồ địa chính lập năm 1997, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 như sau:

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 878,6m² (gồm 315m² đất ở, 99,6m² đất vườn, 464,6m² đất ao) và một số tài sản trên đất, tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2B bản đồ địa chính lập năm 1997, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất 77,79 dài 25m; phía Tây giáp đường công cộng dài 26,42m; phía Nam giáp đất giao cho ông G dài 27,13m; phía Bắc giáp thửa đất 73,74 dài 42,31m. được sử dụng các tài sản có trên đất được chia.

- Giao cho ông Nguyễn Kim G1 (Nguyễn Kim D) được quyền sử dụng diện tích đất 177,4m² (trong đó đất ở 85m², đất trồng cây lâu năm 92,4m²) trị giá 447.707.000 đồng (bốn trăm bốn bảy triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng) tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2B bản đồ địa chính lập năm 1997, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình..

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất 79 dài 6,56m; phía Tây giáp đường công cộng dài 6,56m; phía Nam giáp thửa đất số 79 dài 27,4m; phía Bắc giáp đất giao cho bà T dài 27,13m. Tài sản có trên đất được chia được sử dụng không phải thanh toán tiền chênh lệch cho bà T.

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán kỹ phần thừa kế bằng giá trị cho ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị N số tiền. 442.529.000 đồng (bốn trăm bốn hai triệu năm trăm hai chín nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán và quản lý kỹ phần thừa kế bằng giá trị cho ông Nguyễn Văn L1 số tiền 442.529.000 đồng (bốn trăm bốn hai triệu năm trăm hai chín nghìn đồng); có trách nhiệm giao lại cho ông L1 khi ông L1 trở về.

- Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án buộc các đương sự khác thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn G (Nguyễn Kim D).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS, ngày 18/6/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị Bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình về việc xác định lại di sản và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS, ngày 18/6/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các tình tiết của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến nội dung kháng nghị đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 để lại theo quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Nguyễn Văn B chết ngày 13/9/2000; cụ Phạm Thị T1 chết ngày 04/3/2001, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.5] Về xác định những người thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 là vợ chồng hợp pháp. Cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 có 6 người con đẻ gồm: Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn G và Nguyễn Thị T. Cụ B và cụ T1 không có con nuôi, con riêng. Tại thời điểm mở thừa kế đối với tài sản của cụ B năm 2000 và cụ T1 năm 2001, không có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn L1 đã chết nên những người được hưởng thừa kế tài sản của cụ B và cụ T1 gồm: bà T, ông L, ông L1, ông G, bà N, bà N1.

[2] Về nội dung vụ án có liên quan đến kháng nghị:

[2.1] Về xác định di sản và chia thừa kế theo giá trị di sản:

[2.1.1] Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã K lập năm 1997, tại xã X, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Văn B với diện tích 1.056 m² (gồm 400m² đất ở, 192m² đất vườn, 464m² đất ao) hiện nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 là di sản của cụ B và cụ T1 để lại. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24 tháng 11 năm 2023 do Tòa án thực hiện thì diện tích thửa đất là 1058,9m², tăng 2,9m² diện tích đất ao. Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương đã xác định sai số (2,9m² diện tích đất ao) là do đo đạc. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã K lập năm 1997 nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 diện tích 1058,9m² (gồm 400m² đất ở, 192,0m² đất vườn, 466,9m² đất ao) là di sản cụ B và cụ T1 là đúng quy định của pháp luật. Theo đơn giá được xác định tại chứng thư thẩm định giá số 2512.01/2023/VCVS-CTTĐG ngày 25/12/2023 của Công ty Cổ phần D1 thì trị giá quyền sử dụng đất thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 cụ thể là: đất ở 400m² x 5.135.000 đồng/m² = 2.061.000.000 đồng; đất vườn (trồng cây lâu năm) 192 m² x 105.000 đồng/m² = 20.160.000 đồng; đất ao (nuôi thủy sản) 466,9m² x 100.000 đồng/m² = 46.690.000 đồng. (trang 18 chứng thư thẩm định giá).

Giá trị quyền sử dụng đất thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 có giá trị là 2.127.760.000 đồng.

[2.1.2] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/11/2023 do Tòa án huyện Kim Sơn thực hiện đã xác định:

Tài sản trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã K, huyện K của cụ B và cụ T1 xây dựng gồm: 01 nhà ở 1 tầng, xây dựng năm 1971, diện tích 75,9 m², cao 3,5m, móng xây đá hộc vữa vôi cao 0,6 m, thân tường xây gạch chỉ vữa vôi, trong ngoài trát vữa vôi, nền sàn đổ bê tông trát, mái lợp ngói xi măng, kết cấu đỡ mái bằng gỗ luồng, cửa ra vào và cửa sổ làm bằng gỗ tạp; hiên đổ bê tông cốt thép rộng 1,2m, nhà để trống không sử dụng; 01 nhà bếp, xây dựng năm 1992, diện tích 22,6 m², cao 2,5m, móng và tường xây gạch chỉ

vữa vôi, nền đổ bê tông trát, cửa làm bằng gỗ tạp, mái lợp ngói xi măng, kết cấu mái bằng luồng, mái bị hư hỏng (đổ sập) 50%, hiện trạng nhà bỏ hoang; 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 1978, diện tích 2,3m², cao 1,8m, móng và tường xây gạch chỉ vữa vôi, trong ngoài trát vữa vôi, nền đổ bê tông trát, mái gạch trát vữa vôi, nhà để trống không sử dụng; 01 bể nước xây dựng năm 1978, diện tích 5,7m², sâu 1.5m.

Tài sản của ông Nguyễn Thiện H tạo dựng gồm: 02 cổng xây dựng tiếp giáp đất bà Trần Thị H4 và tiếp giáp đường; thời điểm xây dựng năm 2022; mỗi cột kích thước 0,5 x 0,5 m cao 2,3 m. Kết cấu cột cổng xây gạch xung quanh trát vữa xi măng; 04 cánh cổng, thời điểm xây dựng năm 2022, mỗi cánh có kích thước 1,5 m x 2 m, làm bằng thép hình các loại, dạng cánh mở hai bên; 01 bể nước; tường bờ ao xây dựng năm 2022, dài 9,98 m, cao 1,5m, dày 33cm, móng và tường xây gạch chỉ, trong trát vữa xi măng; Tường bao tiếp giáp đường giao thông xây dựng năm 2022, tường xây gạch chỉ trong ngoài trát vữa xi măng cao 0,5m, dày 10cm; dài 32,98m, giữa tường có 10 cột bê tông kích thước mỗi cột 0,05m x 0,05m, cao 2m, bên trên tường có dựng hàng lưới mắt cáo bằng nhựa cao 2m. Cây xanh do ông Nguyễn Thiện H trồng gồm: 02 cây sung đường kính thân 40-60cm, đường kính tán 1,5-2m, cao 2,5-3,5m; 01 cây sung đường kính thân 70cm, đường kính tán 5m, cao 9m; 01 cây sung đường kính thân 2cm, đường kính tán 1,5m, cao 2m; 01 cây khế đường kính thân 3cm, đường kính tán 1m, cao 3m; 04 cây bưởi; 01 cây mít; 01 cây xoài; 01 cây hoàng yến chuông vàng.

[2.1.3] Theo Chứng thư thẩm định giá số 2512.01/2023/VCVS-CTTĐG ngày 25/12/2023 của Công ty Cổ phần D1:

Trị giá tài sản trên đất do cụ B và cụ T1 xây dựng gồm: nhà ở là 66.020.719 đồng, nhà bếp 0 đồng, bể nước 0 đồng, nhà vệ sinh 0 đồng (trang 33 chứng thư thẩm định giá). Như vậy, giá trị tài sản trên đất của cụ B và cụ T1 là 66.020.719 đồng (trị giá 01 ngôi nhà ở 1 tầng);

Trị giá tài sản và cây xanh của ông Nguyễn Thiện H là 18.593.281 đồng.

[2.1.4] Bản án sơ thẩm căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và ông Nguyễn Thiện H đã xác định giá trị di sản của cụ B và cụ T1 để chia thừa kế gồm: Giá trị quyền sử dụng đất thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 có giá trị là 2.127.760.000 đồng; giá trị tài sản trên đất của cụ B và cụ T1 là 66.020.719 đồng; giá trị tài sản và cây xanh của ông Nguyễn Thiện H là 18.593.281 đồng. Tổng giá trị tài sản để chia thừa kế là 2.212.646.000 đồng (bao gồm cả giá trị tài sản và cây xanh của ông Nguyễn Thiện H).

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Toà án không tính phần giá trị tài sản và cây xanh của ông Nguyễn Thiện H vào giá trị di sản của cụ B và cụ T1 để chia thừa kế.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của nguyên đơn là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm làm thay đổi giá trị di sản của cụ **B** và cụ **T1** tại thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020, phù hợp với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình và đề nghị của nguyên đơn để sửa bản án sơ thẩm.

Xác định lại giá trị di sản của cụ **B** và cụ **T1** tại thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020 gồm: giá trị quyền sử dụng đất là 2.127.760.000 đồng trị và giá trị 01 ngôi nhà ở 1 tầng là 66.020.719 đồng. Tổng giá trị di sản được xác định là 2.193.780.719 đồng.

[2.1.5] Tại thời điểm mở thừa kế của cụ **T1** và cụ **B**. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ **B** và cụ **T1** gồm 6 người con đẻ. Tuy nhiên, bà **Nguyễn Thị N1** không nhận thừa kế kỷ phần được hưởng của mình và đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật nên kỷ phần thừa kế của bà **N1** được chia đều cho 5 người gồm: **Nguyễn Ngọc L**, **Nguyễn Văn L1**, **Nguyễn Thị N**, **Nguyễn Văn G** và **Nguyễn Thị T**.

[2.1.6] Như vậy, ông **Nguyễn Ngọc L**, ông **Nguyễn Văn L1**, bà **Nguyễn Thị N**, ông **Nguyễn Văn G**, bà **Nguyễn Thị T** mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của cụ **B** và cụ **T1** tại thửa số 78 tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính **xã K** là $2.193.780.719 \text{ đồng} : 5 = 438.756.143 \text{ đồng}$.

[2.2] Về chia di sản bằng hiện vật:

[2.2.1] Ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị N** đề nghị Toà án giao hiện vật kỷ phần thừa kế của mình cho bà **Nguyễn Thị T** nên Bản án sơ thẩm giao hiện vật kỷ phần thừa kế của ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị N** cho bà **Nguyễn Thị T** buộc bà **T** thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Nguyễn Thị N** là đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự.

[2.2.2] Ông **Nguyễn Văn L1** đã bỏ đi không có tin tức nhiều năm. Toà án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt ở nơi cư trú nhưng không có kết quả, Bản án giao hiện vật kỷ phần thừa kế của ông **L1** cho bà **T** và buộc bà **T** phải có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần của ông **L1** khi ông **L1** trở về là có cơ sở. Bởi lẽ tài sản là quyền sử dụng đất cần phải được sử dụng, người được quyền sử dụng đất phải đóng thuế cho Nhà nước nên không thể giao cho người biệt tích. Mặt khác, ngôi nhà của là di sản của cụ **B** và cụ **T1** nằm ở vị trí không thích hợp để chia nhỏ quyền sử dụng đất ở.

[2.2.3] Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng tài sản chia di sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của cụ **B** và cụ **T1** tại thửa số 78 tờ bản đồ số 6

bản đồ địa chính xã K thành hai phần giao cho bà T một phần và ông G một phần là hợp lý bảo đảm cho việc sử dụng đất và tài sản trên đất.

[3] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cụ thể như sau.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 theo pháp luật đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, diện tích 1058,9m² (gồm 400m² đất ở, 192,0m² đất vườn, 466,9m² đất ao) tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2B bản đồ địa chính lập năm 1997 (nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2010 chỉnh lý năm 2020) bản đồ địa chính xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình và các tài sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 trên thửa đất có tổng giá trị là 2.193.780.719 đồng cho ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T.

1.1. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 theo giá trị: ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị T mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của cụ B và cụ T1 tại thửa số 78 tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã K lập năm 2010, chỉnh lý năm 2020 là 438.756.143 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) .

1.2. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị T1 bằng hiện vật tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2b bản đồ địa chính lập năm 1997 (nay là thửa số 78 tờ bản đồ số 6 lập năm 2020) bản đồ địa chính xã K xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình như sau:

1.2.1. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 881,5m² (gồm 315m² đất ở, 99,6m² đất vườn, 466,9m² đất ao) và được sở hữu các tài sản trên diện tích đất được quyền sử dụng.

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất 77 và thửa đất 79 dài 25m (gồm 03 đoạn); phía Tây giáp đường công cộng dài 26,42m; phía Nam giáp đất chia cho ông **G** dài 27,13m; phía Bắc giáp thửa đất 73 và thửa đất 74 dài 42,31m.

1.2.2. Chia cho ông **Nguyễn Kim G1 (Nguyễn Kim D)** được quyền sử dụng diện tích đất 177,4m² (trong đó đất ở 85m², đất trồng cây lâu năm 92,4m²) và được sở hữu các tài sản trên diện tích đất được quyền sử dụng.

Vị trí, kích thước các chiều, cạnh như sau: phía Đông giáp thửa đất 79 dài 6,56m; phía Tây giáp đường công cộng dài 6,56m; phía Nam giáp thửa đất số 79 dài 27,4m; phía Bắc giáp đất chia cho bà **T** dài 27,13m.

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo)

2. Ông **Nguyễn Kim G1 (Nguyễn Kim D)** không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho bà **Nguyễn Thị T**.

3. Bà **Nguyễn Thị T** phải thanh toán cho ông **Nguyễn Văn L2** số tiền 438.756.143 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi ba đồng)

4. Bà **Nguyễn Thị T** phải thanh toán bà **Nguyễn Thị N** số tiền 438.756.143 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi ba đồng)

5. Bà **Nguyễn Thị T** được quản lý kỹ phần thừa kế bằng giá trị của ông **Nguyễn Văn L1** là số tiền 438.756.143 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Bà **Nguyễn Thị T** có trách nhiệm giao lại cho ông **Nguyễn Văn L1** khi ông **Nguyễn Văn L1** trở về.

6. Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

7. Các nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực tại thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

8. Án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 9 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân huyện Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Lương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng Trần Thị Sâm

Đinh Huy Lương